

Bản án số: 1276/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 31-7-2019.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Phước,
2. Bà Nguyễn Kim Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 540/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 06 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 07 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **T.K.B.**, sinh năm 1987,

Địa chỉ: Ấp Hòa Hưng, xã Bắc Hòa, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông **N.A.D.**, sinh năm 1968 (Vắng mặt),

Địa chỉ: Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà T.K.B. trình bày:*

Bà và ông N.A.D. tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 21, quận Bình Thạnh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 162 ngày 11/11/2010. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được vài tháng. Năm 2011, do có nhiều mâu thuẫn về cách sống, tính cách, thường xuyên cãi vã mà không thể hàn gắn, ông N.A.D. đã bỏ đi sống chỗ khác và bà về quê sinh sống. Vợ chồng ly thân từ năm 2011, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Theo yêu cầu của bà, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã ban hành Quyết định số 193/2014/QĐST-DS ngày 29/4/2014 tuyên bố ông N.A.D. vắng mặt tại nơi cư trú. Sau đó, trong quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố ông N.A.D. mất tích theo yêu cầu của bà, Công an Phường 21, quận Bình Thạnh trả lời Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh: Ông N.A.D., sinh năm 1968, có đăng ký thường trú tại 220/14 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, quận Bình Thạnh. Hiện nay ông N.A.D. không có mặt tại địa phương và đang đi làm. Do tính chất đặc thù của công việc (xây dựng công trình – di chuyển liên tục) ông N.A.D. cư trú tại nơi làm nên hiện nay gia đình không biết địa chỉ cư trú cụ thể của ông N.A.D.. Nhận thấy vợ chồng không còn chung sống với nhau, không quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị ly hôn ông N.A.D..

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông N.A.D.:*

Bị đơn ông N.A.D. đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 30/5/2019 và ngày 12/6/2019 nhưng ông N.A.D. không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông N.A.D..

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Nguyên đơn bà T.K.B. khởi kiện ông N.A.D., trú tại quận Bình Thạnh, yêu cầu ly hôn được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa

án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà T.K.B. về ly hôn ông N.A.D., bà T.K.B. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét bà T.K.B. khởi kiện yêu cầu ly hôn ông N.A.D., cư trú tại Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, quận Bình Thạnh phù hợp với kết quả xác minh ngày 28/02/2019 của Công an Phường 21, quận Bình Thạnh, nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa:

Bị đơn ông N.A.D. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa. Xét thấy ông N.A.D. vắng mặt tại phiên tòa được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông N.A.D..

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 162 ngày 11 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Phường 21, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của ông N.A.D. và bà T.K.B. là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên bà T.K.B. đoàn tụ gia đình để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà T.K.B. vẫn giữ nguyên yêu cầu vì vợ chồng bà không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đối với bị đơn ông N.A.D., Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như để ông N.A.D. thực hiện quyền tranh tụng nhưng ông N.A.D. không tham gia, cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với khởi kiện của bà T.K.B. Điều này cho thấy ông

N.A.D. đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân giữa ông N.A.D. và bà T.K.B., không có ý định hòa giải đoàn tụ.

Theo lời trình bày và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Năm 2013, do bà T.K.B. và ông N.A.D. không còn liên lạc và biết tin tức của nhau nên bà T.K.B. đã làm đơn yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và đã được chấp nhận theo Quyết định số 193/2014/QĐST-DS ngày 29/4/2014 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, bà T.K.B. có nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông N.A.D. nhưng rút đơn nên Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã đình chỉ giải quyết yêu cầu này bằng Quyết định số 29/2015/QĐHNGĐ-ST-ĐC ngày 12/01/2015. Năm 2017 và 2019, bà T.K.B. tiếp tục nộp đơn yêu cầu tuyên bố ông N.A.D. chết, mất tích nhưng cuối cùng có tin tức của ông N.A.D. theo xác minh của Công an Phường 21, quận Bình Thạnh nên bà T.K.B. đã rút đơn yêu cầu và Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã đình chỉ việc xét đơn yêu cầu bằng Quyết định số 342/2019/QĐST-VDS ngày 18/3/2019. Đồng thời, tại kết quả xác minh ngày 28/02/2019, Công an Phường 21, quận Bình Thạnh xác định ông N.A.D. không có mặt tại địa phương và đang đi làm xây dựng công trình, di chuyển liên tục, lần gần nhất về thăm nhà và cha ruột tại địa chỉ Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, quận Bình Thạnh vào tháng 12/2016. Từ đó nhận thấy: Ông N.A.D. và bà T.K.B. đã không chung sống với nhau và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và tại phiên tòa, bà T.K.B. vẫn giữ yêu cầu ly hôn ông N.A.D. nên mục đích hôn nhân không đạt được như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét thấy hôn nhân giữa bà T.K.B. và ông N.A.D. không thể kéo dài, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T.K.B. đối với ông N.A.D., đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh là có căn cứ.

[4] Về con chung:

Theo trình bày của nguyên đơn bà T.K.B. tại các buổi làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T.K.B. và ông N.A.D. không có con chung và bà T.K.B. không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung:

Không có đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của bà T.K.B. và ông N.A.D. nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà T.K.B. phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 19 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà T.K.B. ly hôn ông N.A.D..
2. Về con chung: Không có, Tòa án không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không có đương sự nào yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm:

Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà T.K.B. phải chịu, được căn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0020567 ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà T.K.B. đã nộp đủ án phí.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường 21, Q.Bình Thạnh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân